

Số: /BC-SNNMT

Lâm Đồng, ngày tháng 02 năm 2026

BÁO CÁO

Tổng kết việc thi hành Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về khuyến nông

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;
Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lâm Đồng tiến hành tổng kết việc thi hành Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về khuyến nông; kết quả cụ thể như sau:

I. BỐI CẢNH THỰC HIỆN TỔNG KẾT

Lâm Đồng là một tỉnh miền núi ven biển nằm ở vùng Nam Trung Bộ, miền Trung Việt Nam. Lâm Đồng có diện tích 24.233 km², là tỉnh lớn nhất Việt Nam; vị thế địa lý của tỉnh vô cùng đặc biệt, trải dài từ cửa ngõ Tây Nam của Tây Nguyên, có đường biên giới với Campuchia, đến dải bờ biển dài 192 km ở phía Đông. Sự kết hợp này mang lại cho Lâm Đồng một lợi thế, kiến tạo nên hành lang kinh tế kết nối "rừng vàng" và "biển bạc", mở ra cơ hội phát triển toàn diện và bền vững.

Tỉnh Lâm Đồng là một trong những địa phương dẫn đầu cả nước về một số sản phẩm nông nghiệp như: hoa, rau, chè, cà phê, lúa tơ tằm, cá nước lạnh...; là vùng kinh tế nông nghiệp hàng hóa hiệu quả cao, sinh thái hữu cơ công nghệ cao, nông nghiệp thông minh và tuần hoàn, quy mô lớn với hơn 01 triệu ha đất nông nghiệp, bao gồm các hệ sinh thái nông nghiệp đặc trưng Đông Nam Bộ và Tây Nguyên; Lâm Đồng mới có điều kiện lý tưởng để phát triển nông nghiệp thông minh, hữu cơ và ứng dụng công nghệ cao. Từ mô hình nhà kính trồng rau, hoa đến nông nghiệp số, địa phương đang từng bước hình thành nền nông nghiệp hiện đại, bền vững, gắn với thị trường xuất khẩu.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Công tác chỉ đạo, triển khai và tổ chức thi hành Nghị định

- Công tác tuyên truyền, phổ biến Nghị định:

+ Trong giai đoạn 2018 đến nay, công tác tuyên truyền, phổ biến Nghị định số 83/2018/NĐ-CP đã được tỉnh quan tâm chỉ đạo và tổ chức triển khai đồng bộ. Nội dung Nghị định được phổ biến rộng rãi đến đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước, cán bộ khuyến nông các cấp và người dân thông qua các hội nghị triển khai, lớp tập huấn chuyên môn, lồng ghép trong các chương trình, kế hoạch khuyến nông và thông qua hệ thống thông tin cơ sở.

+ Qua công tác tuyên truyền, nhận thức và trách nhiệm của các cấp, các ngành, đội ngũ cán bộ khuyến nông và người dân về vai trò, ý nghĩa của hoạt động khuyến nông theo quy định của Nghị định số 83/2018/NĐ-CP từng bước được nâng cao, góp phần tạo sự thống nhất trong tổ chức thực hiện chính sách khuyến nông trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng, ban hành văn bản hướng dẫn, triển khai: căn cứ Nghị định số 83/2018/NĐ-CP; tỉnh Lâm Đồng đã chủ động xây dựng, ban hành các văn bản hướng dẫn nhằm cụ thể hóa và tổ chức triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng. Các văn bản được ban hành bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, làm cơ sở cho các sở, ngành, địa phương thống nhất tổ chức thực hiện. HĐND tỉnh Lâm Đồng (*sau sáp nhập*) đã ban hành Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 28/8/2025 về việc áp dụng và bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Thuận, tỉnh Đắk Nông, tỉnh Lâm Đồng đã ban hành trước khi sáp nhập, theo đó vẫn tiếp tục thực hiện các nghị quyết về quy định nội dung chi, mức chi hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh cũ; cụ thể như sau:

+ Tại tỉnh Bình Thuận (trước sáp nhập): tiếp tục áp dụng Nghị quyết số 02/2021/NQ-HĐND ngày 27/4/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Thuận về quy định nội dung chi, mức chi hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh;

+ Tại tỉnh Đắk Nông (trước sáp nhập): tiếp tục áp dụng Nghị quyết số 17/2020/NQ-HĐND ngày 11/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc quy định nội dung chi, mức chi hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;

+ Tại tỉnh Lâm Đồng (trước sáp nhập): tiếp tục áp dụng Nghị quyết số 186/2020/NQ-HĐND ngày 15/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng về quy định nội dung chi, mức chi hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông địa phương.

- Tổ chức bộ máy và nguồn lực thực hiện:

Sau sắp xếp chính quyền địa phương 02 cấp, số lượng người làm việc tại hệ thống Khuyến nông tỉnh Lâm Đồng tính đến ngày 31/12/2025 là 366 người; trong đó, cán bộ khuyến nông cấp tỉnh là 43 người, hiện đang thực hiện nhiệm vụ khuyến nông tại Trung tâm Khuyến nông tỉnh và 323 người là các cán bộ khuyến nông cấp xã hiện đang công tác tại Trung tâm Dịch vụ Tổng hợp các xã, phường, đặc khu trên địa bàn toàn tỉnh.

2. Kết quả thi hành Nghị định

2.1. Về nội dung, hoạt động khuyến nông

Trong giai đoạn 2018-2025, hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh đã bám sát các chương trình phát triển sản xuất nông nghiệp trọng điểm của tỉnh, chuyển giao thành công nhiều tiến bộ kỹ thuật mới đến với người dân, hợp tác xã, tổ hợp tác trên địa bàn tỉnh góp phần đẩy nhanh quá trình chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, thủy sản; khuyến khích nông dân áp dụng tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản; hình thành lực lượng nông dân tiêu biểu, điển hình trong sản xuất nông lâm nghiệp cho những nông dân khác học tập và làm theo; hình thành một số vùng sản xuất tập trung có hiệu quả cao. Công tác khuyến nông của tỉnh đã triển khai thực hiện các nhiệm vụ như: (1) Xây dựng mô hình và chuyển giao kỹ thuật: triển khai nhiều mô hình khuyến nông trên các lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp và thủy sản. (2) Đào tạo và tập huấn: tổ chức các lớp tập huấn cho nông dân và cán bộ khuyến nông cơ sở. (3) Thông tin và tuyên truyền: thực hiện các hoạt động thông tin tuyên truyền về khuyến nông trên các phương tiện truyền thông. (4) Thực hiện các chương trình, dự án, đề án: triển khai các chương trình, dự án khuyến nông của địa phương, trung ương và các tổ

chức khác. Căn cứ quy định tại Nghị định số 83/2018/NĐ-CP, tỉnh Lâm Đồng đã triển khai thực hiện, kết quả như sau:

2.1.1. Bồi dưỡng, tập huấn, đào tạo:

Các hoạt động khuyến nông trong lĩnh vực huấn luyện đào tạo thường xuyên được tổ chức và triển khai rộng khắp với phương pháp được đổi mới về cả hình thức và nội dung để đáp ứng theo yêu cầu thực tế sản xuất và nhu cầu của bà con nông dân. Trong thời gian qua, công tác đào tạo, tập huấn, tham quan học tập đã đạt được những kết quả cụ thể: đã phối hợp với các tổ chức, đoàn thể tổ chức tổng cộng 2.267 lớp tập huấn cho khoảng 68.000 lượt nông dân tham gia; trong đó, gồm 94 lớp tập huấn từ Chương trình khuyến nông Trung ương, 1.323 lớp tập huấn được thực hiện từ ngân sách tỉnh và 850 lớp tập huấn từ nguồn lực xã hội hóa.

Ngoài công tác tập huấn, đào tạo và tuyên truyền; đã chủ động xây dựng chương trình hợp tác khoa học công nghệ với các viện, trường để triển khai các chuyên đề hợp tác khoa học công nghệ, nghiên cứu khoa học.

2.1.2. Thông tin, tuyên truyền:

Đây là một hoạt động khuyến nông quan trọng trong nhân rộng mô hình và chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật sản xuất nông nghiệp; đã phối hợp tốt với các hội, đoàn thể trong công tác tuyên truyền các chủ trương chính sách về phát triển nông nghiệp, nông thôn, giới thiệu tiến bộ kỹ thuật mới, các điển hình sản xuất giỏi, kỹ thuật thâm canh cây trồng, vật nuôi, các mô hình sản xuất nông nghiệp cho hiệu quả kinh tế cao, phù hợp với điều kiện của địa phương,... hoạt động thông tin tuyên truyền ngày càng đa dạng về hình thức, phong phú về nội dung và chú trọng nâng cao chất lượng, hiệu quả để phục vụ cho hoạt động khuyến nông, khuyến ngư; cụ thể:

- Tổ chức 156 sự kiện khuyến nông bao gồm tọa đàm, diễn đàn trên địa bàn tỉnh, trong đó từ nguồn khuyến nông trung ương là 08 sự kiện, từ ngân sách tỉnh là 121 sự kiện và từ nguồn lực xã hội hóa là 27 sự kiện.

- Đã in ấn, cấp phát 202.890 ấn phẩm, tài liệu cho cơ quan quản lý khuyến nông, đội ngũ khuyến nông các cấp và người dân sản xuất nông nghiệp.

2.1.3. Xây dựng mô hình trình diễn và nhân rộng mô hình:

- *Đối với chương trình khuyến nông cây lúa:* đã tập trung thực hiện nhiều mô hình trình diễn đưa các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất lúa, thông qua các mô hình như: thâm canh cây lúa theo phương pháp SRI, sản xuất lúa thân thiện với môi trường, mô hình cánh đồng lớn thâm canh áp dụng cơ giới hóa đồng bộ trong sản xuất lúa tại các vùng lúa trọng điểm, cánh đồng không dẫu chân; mô hình trình diễn sản xuất lúa theo tiêu chuẩn VietGAP hoặc tương đương; mô hình trình diễn áp dụng một số giống lúa mới chất lượng cao.

- *Đối với chương trình khuyến nông cây rau:* thực hiện mô hình sản xuất cà rốt được cấp giấy chứng nhận VietGAP gắn với tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị, mô hình sản xuất rau an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm; thực hiện mô hình sản xuất rau áp dụng các quy trình theo hướng an toàn theo chuỗi liên kết từ khâu sản xuất đến khâu tiêu thụ sản phẩm; Mô hình ứng dụng công nghệ IoT vào việc quản lý dinh dưỡng an toàn cho cây dưa lưới,

mô hình ứng dụng kỹ thuật sản xuất rau ngoài trời bằng công nghệ IoT; mô hình sản xuất rau hữu cơ.

- *Đối với chương trình khuyến nông cây thanh long*: Thanh long là một trong những cây trồng có lợi thế của tỉnh Lâm Đồng, là cây có giá trị hàng hóa cao. Để cây thanh long phát triển bền vững, tăng tính cạnh tranh trên thị trường quốc tế, công tác khuyến nông rất được Ngành Nông nghiệp chú trọng hướng dẫn nông dân thực hiện sản xuất thanh long theo tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP; chuyển giao giống thanh long ruột đỏ LD1 vào sản xuất từ năm 2007 đến nay tạo được sự đa dạng về sản phẩm; áp dụng công nghệ sinh học vào sản xuất thanh long như sử dụng bả sinh học để phòng trừ ruồi đục quả trên diện rộng cho cây thanh long; chuyển giao công nghệ tưới nhỏ giọt nhằm tiết kiệm nước tưới trong mùa khô; chuyển giao mô hình sử dụng các loại phân hữu cơ sinh học nhằm nâng cao tính bền vững trong canh tác thanh long và chuyển giao các biện pháp quản lý, phòng trừ hữu hiệu các bệnh nấm và vi khuẩn hại chính, mô hình IPM trên cây thanh long... đã góp phần quan trọng trong việc nâng cao diện tích, năng suất, chất lượng trái thanh long; đáp ứng yêu cầu thị trường, bước đầu hình thành được các chuỗi liên kết sản xuất tiêu thụ thanh long, giúp hợp tác xã và bà con nông dân trong việc áp dụng truy xuất nguồn gốc sản phẩm, chủ động trong tìm kiếm thị trường tiêu thụ. Các tiến bộ kỹ thuật trong canh tác thanh long được chuyển giao cho bà con nông dân thông qua các mô hình khuyến nông như: ứng dụng theo tiêu chuẩn GlobalGAP, hữu cơ, ứng dụng công nghệ thông minh trong tưới tiết kiệm nước, kết hợp tưới phân và thuốc bảo vệ thực vật trên cây thanh long; sử dụng bóng đèn led tiết kiệm điện trong xử lý thanh long ra hoa trái vụ, trồng và thâm canh thanh long theo phương pháp trồng giàn T-Bar, đồng bộ hệ thống tưới tự động và cơ giới hóa trong sản xuất, máy sấy thăng hoa, hệ thống năng lượng mặt trời,...

- *Đối với chương trình khuyến nông cây sầu riêng*: đã thực hiện nhiều mô hình trình diễn đưa các tiến bộ kỹ thuật vào thâm canh sầu riêng, đặc biệt là công tác đảm bảo an toàn trong sản xuất thông qua các tiêu chuẩn VietGAP được chú trọng triển khai kết hợp với truy xuất nguồn gốc thông qua nhật ký điện tử; tiếp tục triển khai các dự án hỗ trợ ứng dụng công nghệ tưới phun mưa tại gốc thích ứng biến đổi khí hậu trên cây sầu riêng và rà soát, chọn hộ, thực hiện các mô hình thuộc Chương trình Khuyến nông cấp tỉnh; triển khai Mô hình Ứng dụng khoa học kỹ thuật trong thâm canh và phòng trừ dịch hại tổng hợp trên cây sầu riêng cho vùng đồng bào dân tộc.

- *Đối với chương trình khuyến nông cây cà phê*: Ngành Nông nghiệp và Môi trường đã tập trung chỉ đạo, triển khai nhiều mô hình trình diễn nhằm đưa các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất cà phê, góp phần tái cơ cấu ngành hàng cà phê theo hướng bền vững, nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị gia tăng, cải thiện thu nhập cho người trồng cà phê. Trọng tâm của chương trình là tái canh cà phê vườn già cỗi, thâm canh cà phê bền vững, sản xuất cà phê thích ứng với biến đổi khí hậu và sản xuất cà phê theo hướng hữu cơ, cà phê chứng nhận; trong đó, mô hình tái canh cà phê thích ứng với biến đổi khí hậu được triển khai tại các vùng trồng cà phê trọng điểm của tỉnh; các mô hình sản xuất cà phê theo hướng hữu cơ tiếp tục được chú trọng triển khai.

- *Đối với chương trình khuyến nông cây điều*: duy trì và ổn định diện tích cây điều tại các vùng trồng trọng điểm ở các xã: Đức Linh, Tánh Linh, Hàm Tân; đẩy mạnh việc sử dụng giống điều mới để tiếp tục phục vụ tái canh, thay thế vườn điều già cỗi, lẩn tạp, năng suất thấp, chất lượng kém. Qua việc thực hiện mô hình người dân và chính quyền địa phương hưởng ứng, tham gia nhiệt tình, giống điều ghép thích nghi với vùng đất tại địa phương, có thể thay thế các giống điều già cỗi bằng các giống mới như PN1, AB0508 và AB29.

- *Đối với chương trình khuyến nông cây hoa chất lượng cao*: đã triển khai 03 mô hình: mô hình trồng cát tường cánh đơn giống mới trong nhà lưới; mô hình ứng dụng chuyển đổi số trong lĩnh vực trồng trọt; mô hình ứng dụng chế phẩm sinh học xử lý đất trong trồng, thâm canh hoa cúc mới đóa vàng nhằm hạn chế sâu bệnh hại trong đất.

- *Đối với các chương trình khuyến nông cây chè*: đã triển khai mô hình thâm canh chè chất lượng cao theo hướng hữu cơ từ năm thứ tư trở đi và liên kết tiêu thụ sản phẩm. Đây là kết quả giai đoạn đầu khi mới sản xuất theo hướng hữu cơ. Nông hộ tham gia thực hiện mô hình chăm sóc vườn chè chất lượng cao theo hướng hữu cơ từ năm thứ tư trở đi (thời kỳ kinh doanh) đã tuân thủ quy trình kỹ thuật.

- *Đối với chương trình khuyến nông cây đặc sản*: đã triển khai 02 mô hình khuyến nông cây đặc sản được cấp chứng nhận: mô hình sử dụng côn trùng thiên địch và các chế phẩm sinh học phòng trừ sâu bệnh hại trên cây dâu tây trồng trên giá thể; mô hình trồng cây dâu tây giống mới PS 8.10 kết hợp sử dụng chế phẩm sinh học quản lý sâu bệnh hại nhằm nâng cao năng suất, chất lượng dâu tây trồng trên giá thể.

- *Đối với các chương trình khuyến nông trồng trọt khác*: chuyển giao kỹ thuật các giống mới, kháng sâu bệnh, năng suất cao giúp người dân thay thế các giống đã thoái hóa, một số mô hình tiêu biểu như: mô hình sản xuất cây ớt theo hướng an toàn kết hợp với tưới tiết kiệm nước trên đất kém hiệu quả; mô hình thâm canh cây đậu bắp trên đất kém hiệu quả theo liên kết chuỗi; mô hình trồng hành tím giống mới theo hướng an toàn theo liên kết chuỗi; mô hình thâm canh giống nho mới theo hướng GAP theo liên kết chuỗi; mô hình thâm canh cây bí hồ lô theo hướng an toàn trên đất kém hiệu quả theo liên kết chuỗi; mô hình thâm canh cây bạc hà tưới tiết kiệm nước theo liên kết chuỗi; mô hình trồng cây dược liệu giáo cổ lam; mô hình thâm canh cây hoài sơn; mô hình thâm canh cây đinh lăng; mô hình thâm canh cây gừng; mô hình trồng cây nha đam trong vùng đồng bào dân tộc. Ngoài ra, còn chú trọng thực hiện chương trình khuyến nông trồng trọt trên các vùng đất cát, vùng khô hạn, vùng đất kém hiệu quả, vùng đồng bào dân tộc thiểu số tập trung... thông qua các mô hình trình diễn như: thâm canh cây vú sữa theo hướng hữu cơ; mô hình trồng, thâm canh cây mít theo hướng hữu cơ; mô hình trồng thâm canh cây chanh leo định hướng hữu cơ; mô hình ứng dụng tiến bộ kỹ thuật tác động bơ ra trái vụ; mô hình trồng cây dưa MD2 xen trong vườn điều kém hiệu quả nhằm nâng cao thu nhập cho nông dân vùng đồng bào dân tộc; mô hình trồng và thâm canh cây chanh không hạt gắn với chuỗi liên kết cho vùng đồng bào dân tộc; mô hình trồng xen cây hồng không hạt Fuji trên đất cà phê kém hiệu quả trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số; mô hình trồng cây lạc

đen CNC1 trong vườn cà phê để cải tạo đất, nâng cao thu nhập và hướng đến sản xuất cà phê hữu cơ; mô hình trồng thâm canh cây chanh dây ngọt Colombia theo VietGAP trên đất trồng cà phê kém hiệu quả; mô hình trồng xen một số loại cây ăn quả trong vườn cà phê vùng Tây Nguyên; mô hình sản xuất cây ăn quả theo VietGAP phục vụ phát triển vùng nguyên liệu gắn với liên kết tiêu thụ tại một số tỉnh Tây Nguyên; và tiếp tục triển khai các Dự án hỗ trợ ứng dụng công nghệ tưới phun mưa tại gốc thích ứng biến đổi khí hậu trên cây sầu riêng, cây cà phê, cây xoài và rà soát, chọn hộ, thực hiện các mô hình thuộc Chương trình Khuyến nông cấp tỉnh... Các mô hình sử dụng giống mới năng suất cao vào sản xuất thay thế dần các giống đã thoái hóa, hướng dẫn người dân cải tạo, chăm sóc, bón phân hợp lý, góp phần tăng thu nhập, sử dụng theo các quy trình canh tác an toàn, bền vững, thay đổi dần tập quán sản xuất cũ. Nhiều vùng sản xuất tập trung được hình thành, cung cấp nguyên liệu phục vụ chế biến và xuất khẩu.

- *Chương trình khuyến nông - lĩnh vực chăn nuôi*: đã chú trọng chuyển giao kỹ thuật, xây dựng các mô hình thâm canh trong chăn nuôi gia súc, gia cầm; đẩy mạnh công tác lai tạo nâng cao chất lượng giống heo, bò, dê thông qua kỹ thuật thụ tinh nhân tạo; khuyến cáo, hướng dẫn người chăn nuôi quan tâm việc tiêm phòng, vệ sinh chuồng trại, chú trọng công tác đào tạo tay nghề và phát triển đội ngũ dẫn tinh viên. Một số chương trình khuyến nông tiêu biểu trong lĩnh vực khuyến nông chăn nuôi, đó là:

+ Đẩy mạnh Chương trình chăn nuôi tuần hoàn; đến nay, các chương trình, dự án khuyến nông chăn nuôi đã trở thành phong trào rộng khắp, được người chăn nuôi nhân rộng mang lại kết quả khả quan, đó là: chất lượng đàn bò nâng lên đáng kể; đặc biệt đã thay đổi dần tập quán chăn nuôi quảng canh sang chăn nuôi có đầu tư, thâm canh gắn với đảm bảo sức khỏe cộng đồng và bảo vệ môi trường sinh thái. Hiện nay, chăn nuôi bò phát triển ổn định, các mô hình chăn nuôi tuần hoàn - trồng cỏ chăn nuôi bò đang được tiếp tục thực hiện. Đây là xu hướng phát triển kinh tế của nhiều hộ ở một số địa phương trong tỉnh.

+ Xây dựng mô hình nuôi gà lai chọn thả vườn an toàn sinh học; mô hình nuôi vịt biển thương phẩm an toàn sinh học; mô hình nuôi lợn đen bản địa thương phẩm theo hướng an toàn sinh học.

+ Xây dựng Mô hình phát triển vật nuôi đặc sản bản địa và các vật nuôi khác có tiềm năng thực hiện 01 mô hình, cụ thể: mô hình chăn nuôi dê lai sinh sản trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

+ Xây dựng mô hình nuôi tầm thương phẩm bền vững: đã xây dựng được 03 mô hình nuôi tầm thương phẩm bền vững tại Lâm Đồng với quy mô 2.880 vòng trứng, 10 ha trồng mới dâu và 24 ha thâm canh.

- *Đối với chương trình khai thác thủy sản*: tăng cường hoạt động chuyển giao kỹ thuật, hỗ trợ đội tàu khai thác xa bờ thông qua các mô hình trình diễn và một số mô hình đang phát huy tác dụng như: mô hình trang bị máy lọc nước biển trên tàu khai thác hải sản xa bờ; mô hình ứng dụng đèn led chuyên dụng cho nghề lưới vây kết hợp ánh sáng đánh bắt ở vùng biển khơi; mô hình nhật ký điện tử trên tàu khai thác hải sản xa bờ (IUU).

- *Đối với chương trình nuôi thủy sản biển*: triển khai mô hình nuôi cá bớp trên biển bằng lồng vuông HDPE.

- *Đối với chương trình nuôi thủy sản nước mặn, lợ*: triển khai mô hình nuôi cua thương phẩm 02 giai đoạn.

- *Đối với chương trình nuôi thủy sản nước ngọt*: đã thực hiện các mô hình: mô hình nuôi ốc bươu đen thương phẩm; mô hình nuôi cá chình thương phẩm trong lồng bè bằng thức ăn công nghiệp theo liên kết chuỗi; xây dựng mô hình nuôi cá lăng nha đảm bảo an toàn thực phẩm bằng lồng trên sông và hồ chứa; xây dựng mô hình nuôi cá thát lát cườm thương phẩm trong ao đất; mô hình nuôi ghép cá chiên với cá chép V1 trong ao nước chảy; mô hình nuôi cá nheo Mỹ thương phẩm trong hệ thống ao hồ nhỏ.

2.1.4. Tư vấn, dịch vụ khuyến nông:

- Hợp tác với Công ty TNHH Bayer Việt Nam: tổ chức 62 lớp tập huấn được tổ chức với sự tham gia của 2.520 học viên là cán bộ nông nghiệp, nông dân và các đại lý kinh doanh vật tư nông nghiệp và trình diễn 12 mô hình sâu riêng; tổ chức 03 hội thảo với 540 đại biểu tham dự.

- Hợp tác với Công ty Cổ phần phân bón Bình Điền Long An: triển khai 06 mô hình “Cà phê thông minh thích ứng biến đổi khí hậu” trên diện tích 06 ha.

2.1.5. Hợp tác quốc tế, hợp tác công tư trong hoạt động khuyến nông:

- Từ năm 2021-2023, từ nguồn kinh phí hỗ trợ của Chính phủ Cộng hòa Liên bang Đức và Liên minh Châu Âu thông qua Chương trình Phát triển Liên hợp quốc (UNDP) tại Việt Nam đã triển khai thực hiện Dự án “Thúc đẩy sự tham gia của tư nhân đầu tư phát thải carbon thấp và ứng phó biến đổi khí hậu của Ngành Nông nghiệp trong thực hiện Đóng góp do quốc gia tự quyết định/Nationally Determined Contribution (NDC) của Việt Nam” trên địa bàn tỉnh Bình Thuận (trước sáp nhập).

- Hợp tác với tổ chức Diễn đàn cà phê Toàn cầu (GCP): tổ chức 10 lớp tập huấn thu hút 300 nông dân, giúp người dân nắm vững kỹ thuật quản lý cỏ dại, nhận diện rủi ro từ hóa chất độc hại và áp dụng canh tác bền vững; 03 mô hình trình diễn trên 21,5 ha được triển khai, áp dụng quản lý dịch hại tổng hợp (IPM), tận dụng phụ phẩm cà phê làm phân bón hữu cơ và thay thế thuốc diệt cỏ bằng phát cỏ thủ công.

2.2. Về cơ chế, chính sách hỗ trợ:

Tỉnh Lâm Đồng đã ban hành một số cơ chế, chính sách hỗ trợ liên quan đến Nghị định số 83/2018/NĐ-CP nhằm thực hiện công tác khuyến nông có hiệu quả trên địa bàn toàn tỉnh, cụ thể như sau:

2.2.1. Chính sách hỗ trợ nông dân, người sản xuất:

Nghị quyết số 186/2020/NQ-HĐND ngày 15/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng (trước sáp nhập) quy định nội dung chi, mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông địa phương;

Quyết định số 16/2023/QĐ-UBND ngày 21/02/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng (trước sáp nhập) ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật về khuyến nông trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng;

Nghị quyết số 02/2021/NQ-HĐND ngày 27/4/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Thuận (trước sáp nhập) quy định nội dung chi, mức chi hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh;

Nghị quyết số 17/2020/NQ-HĐND ngày 11/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông (trước sáp nhập) quy định về nội dung chi, mức chi hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;

Quyết định số 10/2021/QĐ-UBND ngày 24/6/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông (trước sáp nhập) ban hành quy định và nội dung mức hỗ trợ áp dụng quy trình thực hành nông nghiệp tốt (GAP) trong sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản giai đoạn 2021-2025, trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;

Quyết định số 06/2022/QĐ-UBND ngày 24/01/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông (trước sáp nhập) ban hành định mức kinh tế kỹ thuật một số cây trồng trong sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;

Quyết định số 32/2023/QĐ-UBND ngày 27/11/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông (trước sáp nhập) ban hành định mức kinh tế- kỹ thuật áp dụng cho các hoạt động Khuyến nông tỉnh Đắk Nông;

2.2.2. Chính sách hỗ trợ tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động khuyến nông:

Nghị quyết số 59/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng (trước sáp nhập) quy định mức chi công tác phí và mức chi hội nghị tại các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh Lâm Đồng;

Nghị quyết số 30/2017/NQ-HĐND ngày 13/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Thuận (trước sáp nhập) quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh;

Nghị quyết số 71/2019/NQ-HĐND ngày 25/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Thuận (trước sáp nhập) quy định một số mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh;

Quyết định số 24/2016/QĐ-UBND ngày 09/6/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông (trước sáp nhập) ban hành quy định mức chi trả chế độ nhuận bút trong lĩnh vực báo chí, cổng/trang thông tin điện tử; Đài Truyền thanh - Truyền hình cấp huyện, bản tin, tài liệu không kinh doanh của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;

Nghị quyết số 24/2017/NQ-HĐND ngày 14/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông (trước sáp nhập) quy định về công tác phí, chi hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;

Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 19/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông (trước sáp nhập) quy định mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;

Nghị quyết số 17/2020/NQ-HĐND ngày 11/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông (trước sáp nhập) quy định về nội dung chi, mức chi hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;

Quyết định số 10/2021/QĐ-UBND ngày 24/6/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông (trước sáp nhập) ban hành quy định và nội dung mức hỗ trợ áp dụng quy trình thực hành nông nghiệp tốt (GAP) trong sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản giai đoạn 2021-2025, trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;

2.2.3. Chính sách xã hội hóa hoạt động khuyến nông:

Nghị quyết số 55/NQ-HĐND ngày 13/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông (trước sáp nhập) ban hành danh mục sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

2.3. Về hiệu quả kinh tế – xã hội:

- Hiệu quả kinh tế: các mô hình khuyến nông được triển khai đã góp phần chuyển giao tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, giúp người dân nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, giảm chi phí đầu vào và tăng hiệu quả sản xuất. Nhiều mô hình mang lại thu nhập ổn định cho người dân, tạo tiền đề nhân rộng, góp phần chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp theo hướng hiệu quả và bền vững.

- Hiệu quả xã hội: thông qua việc triển khai các mô hình khuyến nông, trình độ sản xuất và nhận thức của người dân từng bước được nâng cao; kỹ năng tổ chức sản xuất, liên kết và hợp tác trong sản xuất được cải thiện. Các mô hình góp phần tạo việc làm, ổn định đời sống người dân khu vực nông thôn, thúc đẩy sự tham gia của cộng đồng và tăng cường vai trò của hệ thống khuyến nông cơ sở.

- Hiệu quả môi trường: các mô hình khuyến nông khuyến khích áp dụng quy trình sản xuất an toàn, tiết kiệm tài nguyên, giảm sử dụng hóa chất, góp phần bảo vệ môi trường sinh thái và phát triển nông nghiệp bền vững. Việc ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật trong quản lý chất thải, sử dụng chế phẩm sinh học và thích ứng với biến đổi khí hậu đã góp phần hạn chế ô nhiễm môi trường và nâng cao ý thức bảo vệ môi trường của người dân.

3. Đánh giá ưu điểm, bất cập, hạn chế của Nghị định

3.1. Ưu điểm:

- Công tác tập huấn, thông tin tuyên truyền thực hiện theo chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước và chủ trương của tỉnh. Nội dung tập huấn, thông tin tuyên truyền bám sát thực tế sản xuất, nhu cầu, xu hướng của xã hội. Bản tin, trang Website khuyến nông được cải thiện cả về nội dung và hình thức và được bạn đọc quan tâm. Thông qua các lớp tập huấn giúp cho đội ngũ làm công tác khuyến nông tại cơ sở cập nhật kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ để hỗ trợ tốt cho nông dân sản xuất tại địa phương; giúp nông dân vùng đồng bào dân tộc tiếp cận với kiến thức mới, tiến bộ khoa học kỹ thuật để áp dụng trong sản xuất, nâng cao thu nhập; giúp nông dân vùng sản xuất hữu cơ tiếp cận và dần chuyển đổi diện tích sản xuất tại các địa phương sang sản xuất hữu cơ trong thời gian tới. Hoạt động thông tin tuyên truyền giúp nông dân tiếp cận thường xuyên các thông tin giá cả, xu hướng sản xuất nông nghiệp, phương pháp sản xuất mới, giới thiệu mô hình hay, nông dân sản xuất giỏi.

- Các mô hình khuyến nông được xây dựng trên cơ sở định mức, quy định mức chi đã được Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, đồng thời dựa vào tình hình thực tế sản xuất tại các địa phương để xây dựng mô hình sát với yêu cầu sản xuất và đáp ứng theo đúng nhu cầu của người nông dân tại địa

phương, từ đó giúp người dân có điểm/mẫu/mô hình để tham quan, học tập và áp dụng vào thực tế sản xuất. Thông qua các mô hình khuyến nông đã giúp bà con nông dân tiếp cận nhiều mô hình hay, cách làm mới để học tập và ứng dụng, nhân rộng vào sản xuất.

3.2. Bất cập, hạn chế

- Sau khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp đi vào hoạt động, một số định mức kỹ thuật và các chính sách hỗ trợ trong Nghị định đôi khi không còn phù hợp với tình hình sản xuất mới, dẫn đến khó thực hiện hiệu quả ở một số xã ở địa bàn khó khăn, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, trung du, miền núi.

- Lực lượng khuyến nông cấp xã hiện nay chưa đồng đều sau sắp xếp chính quyền địa phương 02 cấp và giải thể các Trạm Kỹ thuật nông nghiệp khu vực thuộc Trung tâm Khuyến nông về UBND các xã, phường, đặc khu để quản lý dẫn đến nhân lực làm công tác khuyến nông ở nhiều địa phương vẫn ít, một số khuyến nông viên chưa được đào tạo bài bản về công tác khuyến nông, kỹ năng và năng lực chuyên môn chưa đáp ứng yêu cầu khiến hiệu quả truyền đạt tiến bộ kỹ thuật đến nông dân bị hạn chế, một số cán bộ phải làm công tác kiêm nhiệm do đó gặp khó khăn trong quá trình hoạt động tại cấp xã.

- Một số quy định về chính sách hỗ trợ mô hình hay chi phí triển khai chưa rõ ràng, nên đôi khi cán bộ và đơn vị khuyến nông không biết cách triển khai, hoặc thực hiện đúng quy định các mức hỗ trợ.

- Cơ chế huy động nguồn lực xã hội hóa còn yếu, khuyến khích, thu hút doanh nghiệp, tư nhân tham gia còn hạn chế, chưa tạo được sự chủ động lớn từ khu vực ngoài nhà nước.

4. Khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân

4.1. Khó khăn, vướng mắc

- Sản xuất nông nghiệp trên cả 03 lĩnh vực: trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản còn nhiều khó khăn do dịch bệnh, biến đổi khí hậu, hạn hán, nguồn lợi thủy sản bị suy giảm, thị trường, giá cả không ổn định. Kết quả cơ cấu lại Ngành Nông nghiệp chưa rõ nét, tăng trưởng Ngành Nông nghiệp chưa bền vững; ứng dụng khoa học - công nghệ và cơ giới hóa vào sản xuất nông nghiệp còn yếu; chất lượng, giá trị và sức cạnh tranh của một số sản phẩm nông nghiệp còn thấp. Kết cấu hạ tầng phục vụ phát triển nông nghiệp chưa đáp ứng tốt yêu cầu. Sản xuất nông nghiệp còn nhỏ lẻ, manh mún; liên kết, hợp tác sản xuất theo chuỗi giá trị trong nông nghiệp chưa hiệu quả, thu hút doanh nghiệp đầu tư phát triển nông nghiệp công nghệ cao còn khó khăn.

- Các mô hình khuyến nông - khuyến ngư trình diễn mang lại hiệu quả kinh tế cao nhưng sức lan tỏa, nhân rộng còn chậm. Nguồn kinh phí bố trí hoạt động khuyến nông còn hạn hẹp, chưa đáp ứng được nhu cầu chuyển giao mô hình đối với bà con nông dân. Chính sách cho nhân rộng mô hình còn thấp, Ngân sách nhà nước chỉ hỗ trợ tối đa 100% kinh phí tổ chức đào tạo, tập huấn, thông tin tuyên truyền, hội nghị, hội thảo, tham quan học tập để nhân rộng mô hình.

- Nhận thức của người dân trong việc áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất còn hạn chế; do trình độ dân trí không đồng đều, tập quán theo lối canh tác cũ còn nhiều, đã ảnh hưởng không nhỏ đến quá trình triển khai ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Sản xuất nông lâm nghiệp trong thời gian qua có nhiều yếu tố bất lợi; tình hình sâu bệnh hại trên cây trồng và dịch bệnh trên gia súc, gia cầm luôn đe dọa; đầu vào và đầu ra của sản phẩm nông nghiệp bấp bênh, mất cân đối, không ổn định; nhiều ngành hàng có sản phẩm không tìm được đầu ra, hoặc bị thương lái ép giá nên khiến người dân không dám nhân rộng.

- Việc triển khai các mô hình ứng dụng công nghệ mới, công nghệ cao còn nhỏ lẻ, hình thành được vùng nuôi, trồng tập trung gắn với tiêu thụ chế biến nhưng còn nhỏ, quy mô chưa lớn, địa bàn rộng, đường xá đi lại khó khăn nên công tác kiểm tra, theo dõi, nắm bắt tình hình của các hộ tham gia thực hiện mô hình và hướng dẫn xử lý khi có tình huống bất thường xảy ra chưa được kịp thời và sâu sát.

- Quy mô, định mức hỗ trợ xây dựng mô hình khuyến nông chưa phù hợp, khó thu hút sự tham gia và hưởng ứng của nông dân, hợp tác xã.

4.2. Nguyên nhân

- Quyết tâm trong lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp, các ngành thực hiện các chủ trương, giải pháp về cơ cấu lại ngành nông nghiệp chưa cao, còn lúng túng trong quá trình triển khai thực hiện.

- Sự phối hợp và tính liên kết trong nội bộ Ngành Nông nghiệp và giữa Ngành Nông nghiệp với các ngành khác chưa chặt chẽ; công tác tuyên truyền, vận động nhân dân, doanh nghiệp chuyển đổi cơ cấu cây trồng, ứng dụng khoa học công nghệ gắn với bảo vệ môi trường, sạch, an toàn chưa thường xuyên, hiệu quả còn thấp; chưa có các chính sách hấp dẫn để khuyến khích thu hút đầu tư vào lĩnh vực sản xuất nông nghiệp và chế biến nông sản.

- Hoạt động nghiên cứu, chuyển giao khoa học - công nghệ vào nông nghiệp, nhất là công nghệ sinh học, công nghệ gen, công nghệ sau thu hoạch... chưa được quan tâm đầu tư và tổ chức thực hiện.

5. Xác định những vấn đề mới phát sinh trong thực tiễn

Khuyến nông cộng đồng (KNCD):

- Số lượng tổ KNCD tại tỉnh tổng cộng 215 tổ

- Tình hình hoạt động: việc thành lập các tổ KNCD theo tiêu chí 13.5 “*Có tổ khuyến nông cộng đồng hoạt động hiệu quả*” để phục vụ cho việc công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới; vì vậy, việc đánh giá hoạt động của các tổ KNCD còn gặp nhiều khó khăn, hạn chế. Các tổ KNCD còn gặp nhiều khó khăn trong công tác chỉ đạo, điều hành hoạt động của tổ, chưa thực hiện được 04 nhóm nhiệm vụ, các thành viên trong tổ còn hạn chế về kiến thức về phát triển thị trường, quản trị HTX, liên kết theo chuỗi giá trị, quản lý chất lượng, truy xuất nguồn gốc, chuyển đổi số trong sản xuất nông nghiệp,...

- Thực hiện Nghị quyết số 202/2025/QH15 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh và Nghị quyết số 1671/NQ-UBTVQH15 về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Lâm Đồng năm 2025, điều đó đã làm thay đổi đáng kể về mặt địa giới hành chính, tổ chức bộ máy và hệ thống chính trị ở cơ sở, kéo theo ảnh hưởng lớn đến hệ thống khuyến nông, đặc biệt là tổ KNCD vốn gắn trực tiếp với cấp xã.

- Bên cạnh đó, việc sáp nhập, giải thể các xã, phường, thị trấn dẫn đến tình trạng một số tổ KNCD mất địa bàn hoạt động, hoặc không còn phù hợp với ranh giới hành chính mới; trong đó, nhiều thành viên trong tổ KNCD là người địa phương, khi xã bị giải thể hoặc sáp nhập, họ không còn giữ vai trò ban đầu hoặc chuyển sang địa phương khác, gây gián đoạn hoạt động của tổ.

- Đến nay, được sự hướng dẫn của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lâm Đồng về việc củng cố, kiện toàn Tổ KNCD trên địa bàn tỉnh, hiện nay trên toàn tỉnh đã có 24/124 xã, phường, đặc khu kiện toàn và thành lập Tổ KNCD. Đội ngũ cộng tác viên khuyến nông chưa được thành lập tại các xã do chưa có quy định, chính sách hỗ trợ để duy trì đội ngũ cộng tác viên khuyến nông tại địa phương.

III. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Đề xuất sửa đổi, bổ sung Nghị định

Từ thực tiễn tổ chức thực hiện Nghị định số 83/2018/NĐ-CP trên địa bàn tỉnh, đề nghị cơ quan có thẩm quyền nghiên cứu sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị định nhằm bảo đảm phù hợp với yêu cầu thực tiễn, cụ thể:

- Bổ sung đối tượng thụ hưởng gồm nhóm hộ, nhóm liên kết, nhóm sản xuất tại Điều 5.

- Bổ sung nội dung ưu tiên các mô hình ứng dụng công nghệ thông minh, tự động hóa, chuyển đổi số trong sản xuất nông nghiệp tại Điều 8.

- Bổ sung yêu cầu đối với các dự án khuyến nông Trung ương có tính đột phá, tính liên kết vùng tại Điều 13.

- Điều chỉnh Điều 29 theo hướng mở rộng căn cứ xác định địa bàn thực hiện, bổ sung nội dung hỗ trợ máy móc trong cụm từ “giống, thiết bị, vật tư” và xem xét nâng mức hỗ trợ tại điểm đ từ 100 triệu đồng lên không quá 200 triệu đồng để tăng khả năng nhân rộng mô hình.

- Bổ sung cơ chế, chính sách hỗ trợ cho các tổ KNCD tại các xã, phường, đặc khu.

2. Kiến nghị các giải pháp để khắc phục khó khăn, vướng mắc, nâng cao hiệu quả thi hành Nghị định khuyến nông

2.1. Đối với Trung ương: từ thực tiễn tổ chức thực hiện Nghị định số 83/2018/NĐ-CP trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng sau sáp nhập, kính đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp, báo cáo Chính phủ nghiên cứu rà soát, sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị định số 83/2018/NĐ-CP cho phù hợp với tình hình mới; trong đó tập trung vào cơ chế xã hội hóa hoạt động khuyến nông, nội dung và mức hỗ trợ nhân rộng mô hình, tổ chức lực lượng khuyến nông cơ sở và phương thức triển khai hoạt động khuyến nông theo hướng linh hoạt, hiệu quả hơn.

2.2. Đối với HĐND tỉnh: đề nghị xây dựng và ban hành Nghị quyết mới của HĐND tỉnh Lâm Đồng quy định nội dung, mức chi khuyến nông thống nhất trên toàn tỉnh, thay thế các Nghị quyết của ba tỉnh trước sáp nhập; đồng thời nghiên cứu bổ sung chính sách hỗ trợ “vốn ban đầu” (giống, vật tư thiết yếu) để nâng cao khả năng nhân rộng mô hình khuyến nông hiệu quả.

2.3. Đối với UBND tỉnh: đề nghị UBND tỉnh sớm chỉ đạo sắp xếp, kiện toàn lại 217 Tổ KNCD phù hợp với địa giới hành chính mới; quan tâm bố trí nguồn lực, điều kiện hoạt động cho đội ngũ khuyến nông cơ sở; tăng cường đào tạo về

phát triển thị trường, quản trị hợp tác xã và chuyển đổi số; đồng thời, gắn kết hoạt động khuyến nông với các chương trình liên kết sản xuất – tiêu thụ theo chuỗi giá trị và tăng cường theo dõi, đánh giá việc thực hiện chính sách khuyến nông để kịp thời điều chỉnh cho phù hợp với thực tiễn.

*** Phụ lục kèm theo báo cáo:**

Phụ lục I: Hệ thống tổ chức và chất lượng nguồn nhân lực khuyến nông

Phụ lục II: Lực lượng cộng tác viên, khuyến nông cộng đồng

Phụ lục III: Kinh phí hoạt động khuyến nông giai đoạn 2018-2025

Phụ lục IV: Kết quả hoạt động khuyến nông giai đoạn 2018-2025

Phụ lục V: Các văn bản về chế độ, chính sách khuyến nông.

Trên đây là báo cáo Tổng kết việc thi hành Nghị định số 83/2018/NĐ-CP; Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lâm Đồng kính báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường biết, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Bộ NN&MT (b/c);
- Trung tâm KNQG (b/c);
- UBND tỉnh Lâm Đồng (b/c);
- GD, các Phó GD Sở;
- TTKN;
- Lưu: VT, KN, (Lâm, Yên).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Vũ Đình Cường

